TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2022/HS-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Tăng, ông Đinh Duy Quyết

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh, là Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: ông Trịnh Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/TLST- HS ngày 14/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngoc Đ sinh năm 1984 tại xã G, huyện G, tỉnh N, tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; trình độ văn hóa: lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Y và bà Đào Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Th và 02 con, con lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 09/11/2006, bị Công an huyện G, tỉnh N xử phạt "*cảnh cáo*", về hành vi "*đánh nhau gây thương tích*" đã được xóa, ngày 20/8/2003, bị Công an huyện G xử phạt 500.000 đ (*năm trăm nghìn đồng*), về hành vi "*tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" chấp hành xong quyết định ngày 28/8/2013, đã được xóa, ngày 21/02/2014, bị Công an huyện G xử phạt 1.000.000 đ (*một triệu đồng*) về hành vi "*đánh bạc*", chấp hành xong quyết định ngày 25/02/2014, đã được xóa; biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào. Có mặt.

Bị hại: chị Vũ Thị Q, sinh năm 2003. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Trú tại: phố T, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Người làm chứng: bà Lê Thị D, chị Vũ Thị C. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc Đ là người không có việc làm ổn định. Để có tiền chi tiêu cá nhân, nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 08/11/2021, Đ đi bộ từ nhà mình đến cổng nhà bà Lê Thị D, sinh năm 1978, trú tại thôn V, xã G, huyện G, tỉnh N (cách nhà Đ khoảng 100 mét). Khi đi đến cổng nhà bà D, thấy trong nhà không có ánh đèn, xác định mọi người trong nhà đã ngủ, Đ trèo lên tường dùng tay bám vào cây nhãn ở trước cổng cạnh nhà, sau đó trèo lên mái nhà tầng một của gia đình bà D, thấy cửa tum bằng gỗ khép (cửa không bị chốt, không bị khóa), Đ mở cửa đi xuống nhà theo lối cầu thang. Khi đi đến khu vực chân cầu thang, Đ nằm xuống nền nhà; thấy cửa phòng ngủ mở, bên trong có ánh đèn mờ, thấy bà D, chị Vũ Thị Q, sinh ngày 03/5/2003 và chị Vũ Thị C, sinh năm 2000 (đều là con gái của bà D) đang nằm ngủ trên giường. Đ bò vào bên trong phòng ngủ, thấy ở dưới nền nhà có 01 chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu Asus, mặt lưng màn hình màu bạc, viền màn hình màu đen đang cắm sạc điện, bên cạnh có 01 chiếc túi xách da màu đen. Đ mở túi ra kiểm tra thấy có 200.000 đồng, Đ lấy tiền bỏ vào túi quần phía trước bên trái mà mình đang mặc; dùng hai tay cầm chiếc máy tính lên, tay phải cầm máy tính, tay trái rút dây sạc điện, sau đó Đ ôm chiếc máy tính bò ra ngoài. Đ kẹp chiếc máy tính vào hông bên phải, đi theo lối cũ ra ngoài, rồi đi về nhà. Khoảng 01 giờ 15 phút cùng ngày, do nghi ngờ kẻ gian đột nhập, nên bà D dậy kiểm tra camera của gia đình mình, đến buổi sáng cùng ngày, bà D đã đến Công an xã G, huyện G để trình báo, đề nghị giải quyết.

Sau khi trộm cắp tài sản của gia đình bà D, Đ đã cất giấu chiếc máy tính và số tiền 200.000 đồng trong tủ quần áo nhà mình. Ngày 09/11/2021, do lo sợ hành vi phạm tội của mình bị phát hiện, nên Đ đã nhờ bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978, trú tại phố T, thị trấn M, huyện G (là chị gái của Đ) giao nộp chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu Asus, mặt lưng màn hình màu bạc, viền màn hình màu đen, phía trên bàn phím có khắc chữ "Sonic Master", số seri J8N0GR00J206217, chip I3 – 7020U, RAM: 4096MB, VGA: intel HD Graphics 620 và số tiền 200.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh N.

Trên cơ sở yêu cầu định giá tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tại bản Kết luận định giá tài sản số 78/KLĐG-HĐ ngày 18/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G, kết luận: 01 chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu Asus, mặt lưng màn hình màu bạc, viền màn hình màu đen,

phía trên bàn phím có khắc chữ "Sonic Master", số seri J8N0GR00J206217, chip I3 – 7020U, RAM: 4096MB, VGA: intel HD Graphics 620 trị giá là **2.000.000 đồng**.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nêu trên của mình.

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKS-GV ngày 14/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện G đã truy tố Nguyễn Ngọc Đ ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "trộm cắp tài sản", theo khoản 1, khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện G thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ như nội dung Bản cáo trạng. Sau khi luận tội đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội **"***trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, r, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ từ 06 (*sáu*) đến 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (*mười hai*) đến 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Phân tích các chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: khoảng 01 giờ ngày 08/11/2021, Đ đi bộ nhà bà Lê Thị D, ở cùng thôn V, xã G. Khi đi đến cổng nhà bà D, Đ trèo lên tường dùng tay bám vào cây nhãn ở trước cổng cạnh nhà, sau đó trèo lên mái nhà tầng một của gia đình bà D, thấy cửa tum bằng gỗ khép (cửa không bị chốt, không bị

khóa), Đ mở cửa đi xuống nhà theo lối cầu thang. Đ đã bò, đột nhập vào bên trong phòng ngủ của chị Vũ Thị Q (là con gái bà D) rồi lấy được 01 chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu Asus, mặt lưng màn hình màu bạc, viền màn hình màu đen và số tiền 200.000 đồng. Như vậy, rõ ràng bị cáo Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Vũ Thị Q số tài sản có trị giá tổng tiền là 2.200.000 đồng đúng như kết luận định giá tài sản và Bản cáo trạng đã mô tả nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai của người tham gia tố tụng khác, với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội "*trộm cắp tài sản''*. Căn cứ tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản.

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: "*người phạm tội thành khẩn khai báo*" '*người phạm tội tự thú*", "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" quy định tại các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo thành người tốt đồng thời vẫn đảm bảo được tính răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh bản thân của bị cáo Đ không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là thỏa đáng.

[7]. Về trách nhiệm dân sự.

Đối với thiệt hại của chị Vũ Thị Q: chị Q đã nhận lại số tài sản là 01 chiếc máy tính Laptop nhãn hiệu Asus, mặt lưng màn hình màu bạc, viền màn hình màu đen, phía trên bàn phím có khắc chữ "Sonic Master" và số tiền 200.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên phần trách nhiệm dân sự Tòa không xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Q, sau khi được bị cáo Đ nhờ giao nộp tài sản đã trộm cắp cho cơ quan có thẩm quyền, bà Quế đã chủ động giao nộp toàn bộ tài sản do Đ trộm cắp mà có cho cơ quan điều tra nên bà Q không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phạm tội "*trộm cắp tài sản*". Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Đ 09 (*chín)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Giao bị cáo Nguyễn Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát người đó. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP;

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Quốc